

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẠI VIỆT TP. HỒ CHÍ MINH

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY**
(Áp dụng cho khóa 24)

NGÀNH
KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
MÃ NGÀNH: 5340302

TP. Hồ Chí Minh, năm 2024

Số: 15...../QĐ-ĐV-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
Ngành Kế toán Doanh nghiệp - Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy
Khóa 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẠI VIỆT TP. HCM

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên biên số 02/BB-ĐV-ĐT ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Phòng Đào tạo - CTHSSV Trường Trung cấp Đại Việt Thành phố Hồ Chí Minh về việc họp Hội đồng thông qua chương trình đào tạo hệ trung cấp năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Kế toán Doanh nghiệp - Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy, khóa 2024, (đính kèm chương trình đào tạo).

Điều 2. Các Trưởng/Phó phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như Điều 2 (để thi/hiện);
- Lưu VT, Phòng ĐT-CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lê Thị Bích Thảo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 15../QĐ-ĐV-ĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Đại Việt TP. Hồ Chí Minh)

Ngành, nghề : Kế toán doanh nghiệp
Mã ngành, nghề : 5340302
Trình độ đào tạo : Trung cấp
Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương, học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và theo đề án tuyển sinh riêng của trường.

Thời gian khóa học : 18 tháng (04 học kỳ)

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Kế toán doanh nghiệp là bộ phận thu thập, ghi chép, xử lý, kiểm soát và cung cấp các thông tin tài chính, kinh tế của một doanh nghiệp. Bao gồm các hoạt động như lập báo cáo tài chính, quản lý thu chi, phân tích dữ liệu tài chính, đánh giá rủi ro và quản lý ngân sách.

Mục đích của kế toán doanh nghiệp là đảm bảo các hoạt động tài chính của doanh nghiệp tuân thủ luật pháp và các quy định của cơ quan giám sát quy định.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Kế toán doanh nghiệp trình độ trung cấp là ngành, nghề thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán; kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin về tình hình sử dụng tài chính trong các doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Kế toán doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế, cung cấp nhân lực trong lĩnh vực kế toán thuộc các loại hình doanh nghiệp có các hình thức sở hữu: Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân; quy mô: lớn, vừa, nhỏ, siêu nhỏ; lĩnh vực: sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Nhiệm vụ chính của ngành, nghề bao gồm: thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo nội dung công việc; ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản vật tư tiền vốn; kiểm tra, giám sát các khoản thu chi, các



nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các chuẩn mực kế toán;
- Mô tả được các chế độ kế toán;
- Trình bày được hệ thống văn bản pháp luật về thuế;
- Xác định được vị trí, vai trò của kế toán trong ngành kinh tế;
- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp;
- Vận dụng các văn bản liên quan đến ngành kinh tế;
- Trình bày được tên các loại chứng từ kế toán được sử dụng trong các vị trí việc làm;
- Trình bày được phương pháp lập chứng từ kế toán;
- Trình bày được phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp;
- Trình bày được phương pháp ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Trình bày được phương pháp thu thập, sắp xếp, quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán;
- Trình bày được phương pháp kiểm tra, đối chiếu, xử lý trong công tác kế toán;
- Trình bày được các phương pháp kê khai thuế, báo cáo ẩn chi; phương pháp lập báo cáo tài chính;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Về kỹ năng

- Thiết lập được mối quan hệ tốt với ngân hàng và các cơ quan quản lý chức năng;
- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;
- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Lập được báo cáo tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;
- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- Báo cáo với lãnh đạo, đề xuất các giải pháp kinh tế, tài chính cho đơn vị tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; sử dụng thành thạo 1 đến 2 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;

- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kế toán vốn bằng tiền;
- Kế toán hàng tồn kho và phải trả người bán;
- Kế toán tài sản cố định;
- Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng;
- Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương;
- Kế toán chi phí tính giá thành;
- Kế toán tổng hợp.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1290 (giờ/ĐVHT)
 - Số lượng môn học, mô đun: 25 môn học
 - Khối lượng học tập các môn học chung: 270 (giờ/ĐVHT)
 - Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1020 (giờ/ĐVHT)
 - Khối lượng lý thuyết: 352 (giờ/ĐVHT); thực hành, thực tập: 844 (giờ/ĐVHT);
- thời gian thi và kiểm tra: 94 (giờ/ĐVHT)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị, pháp luật
2	NLCB-02	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
3	NLCB-03	Sử dụng Tiếng Anh giao tiếp cơ bản
4	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về An ninh, Quốc phòng
5	NLCB-05	Duy trì sức khỏe
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
3	NLCL-01	Nắm được các thuật ngữ về kế toán
4	NLCL-02	Xác định được vai trò của kế toán trong doanh nghiệp
5	NLCL-03	Xác định các loại thuế và báo cáo thuế cho doanh nghiệp
6	NLCL-04	Thu nhập, phân tích, xem xét, cung cấp dữ liệu để báo cáo về mặt tài chính cho doanh nghiệp
7	NLCL-05	Tuân thủ luật kế toán, luật doanh nghiệp
8	NLCL-06	Sử dụng thành thạo các công cụ kế toán trên Excel

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
9	NLCL-07	Kiểm tra, đánh giá các sai phạm cơ bản trong kế toán
10	NLCL-08	Ghi nhận việc thu và chi trong doanh nghiệp
11	NLCL-09	Lập báo cáo kế toán tháng cho doanh nghiệp
12	NLCL-10	Xác định về cung cầu hàng hoá
III	Năng lực nâng cao	
13	NLNC-01	Xác định về tài chính của doanh nghiệp, thống kê hàng tháng
14	NLNC-02	Lập chứng từ và thanh toán trong đơn vị
15	NLNC-03	Giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp với cơ quan thuế
16	NLNC-04	Báo cáo thuế tuân thủ theo các quy định của pháp luật

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung					
020001	Giáo dục Chính trị	2	30	28	00	02
020002	Pháp luật	2	30	28	00	02
020003	Tin học	2	45	15	27	03
020004	Tiếng Anh	3	90	00	85	05
020005	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	15	27	03
020006	Giáo dục thể chất	1	30	00	27	03
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
0100107	Luật kinh tế	2	30	28	00	02
0100108	Tài chính - tiền tệ	2	45	15	27	03
0100109	Nguyên lý thống kê	2	45	15	27	03
0100110	Nguyên lý kế toán	3	75	15	55	05

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
0100111	Soạn thảo văn bản	2	30	28	00	02
0100112	Kinh tế vi mô	2	45	15	27	03
0100113	Marketing căn bản	2	45	15	27	03
II.2	Môn học, mô đun chuyên ngành					
0100114	Thuế	3	75	15	55	05
0100115	Tài chính doanh nghiệp	2	45	15	25	05
0100116	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	2	45	15	25	05
0100117	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	2	45	15	25	05
0100118	Kế toán ngân hàng	2	45	15	25	05
0100119	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	45	15	25	05
0100120	Kiểm toán	2	45	15	25	05
0100121	Kiến tập nghiệp vụ chuyên ngành	2	90	00	80	10
0100124	Thực tập tốt nghiệp	4	180	00	180	00
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao					
0100122	Hệ thống thông tin kế toán	2	45	15	25	05
0100123	Sổ sách chứng từ kế toán	2	45	15	25	05
Tổng cộng		52	1290	352	844	94
III.	Thi tốt nghiệp					
TT	Môn Thi	Hình Thức thi		Thời gian thi		Ghi chú
1.	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết		180 phút		.
2.	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành		Từ 20 – 30 phút/HS		

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình
7.1. Các môn học chung nhà trường

Đối với xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Công văn số 15670/SLĐT BXH-GDNN ngày 17/5/2021 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP. HCM. Cụ thể:

Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; và Công văn số 15670/SLĐT BXH-GDNN ngày 17/05/2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. HCM về việc tiếp tục đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở Giáo dục Nghề nghiệp;

Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học:

* Về giờ học:

- | | |
|--|-----------|
| - 1 giờ học lý thuyết | = 45 phút |
| - 1 giờ học thực hành/tích hợp/TT lâm sàng | = 60 phút |
| - 1 ĐVHT lý thuyết | = 15 giờ |
| - 1 ĐVHT thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận,..) | = 30 giờ |
| - 1 ĐVHT thực hành (tại công ty, doanh nghiệp, bệnh viện, ...) | = 45 giờ |

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường;

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình

độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

* Sau mỗi năm học hoặc sau mỗi khóa học, Nhà trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/học phần.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm:

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp.

* Cách tính điểm TBC kiểm tra: trọng số 0,4.

Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1.

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2.

→ Điểm TB điểm kiểm tra = [Điểm hệ số 1 + (Điểm hệ số 2 x 2)] / tổng hệ số

Điểm TB điểm kiểm tra đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

* Điểm thi kết thúc môn: Trọng số 0,6

* Cách tính điểm TB môn:

Điểm TB môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

→ Điểm TB môn = [Điểm TB điểm kiểm tra x 0,4] + [Điểm thi kết thúc môn x 0,6]

Điểm TB môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

Ghi chú: Học sinh sinh viên (HSSV) được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

7.4. Ôn thi, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp và tích lũy đủ số học phần trong chương trình mới được thi tốt nghiệp. Khoa Kinh tế có trách nhiệm tổ chức ôn thi tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy học phần của học sinh, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh.

Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh.

**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO
CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Mã ngành: 5340302

Trình độ: Trung cấp

